

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Ngõ 84, phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là "Công ty") lập và trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0107276138 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 9 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Ngõ 84, phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

- | | |
|---------------------------|---|
| 1. Ông Nghiêm Xuân Đa | Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/06/2022) |
| | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/06/2022) |
| 2. Ông Nguyễn Chí Thành | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/06/2022) |
| | Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 27/06/2022) |
| 3. Ông Bùi Sỹ Tuấn Anh | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/06/2022) |
| 4. Ông Phạm Đức Huy | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/06/2022) |
| 5. Ông Đinh Tiến Long | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/06/2022) |
| 6. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/06/2022) |

Ban Kiểm soát

- | | |
|--------------------------|------------|
| 1. Ông Nguyễn Minh Đức | Trưởng ban |
| 2. Ông Nguyễn Tùng Giang | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|---------------------------|--|
| 1. Ông Phạm Đức Huy | Tổng Giám đốc |
| 2. Ông Bùi Sỹ Tuấn Anh | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/03/2022) |
| 3. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/03/2022) |

Kế toán trưởng

- | | |
|---------------------------|----------------|
| 1. Bà Đào Thị Thanh Huyền | Kế toán trưởng |
|---------------------------|----------------|

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(Tiếp theo)

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc nhận biết nghĩa vụ phải tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Sỹ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023



Số: 03NV2/2022/ASCO/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải được lập ngày 28 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, trong đó mô tả một số chỉ tiêu tài chính và sự kiện cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và đưa ra kế hoạch kinh doanh để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong 12 tháng tiếp theo.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, theo Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Phương án thí điểm cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông Vận tải Trung ương, Công ty không ghi nhận nguyên giá quyền sử dụng đất tại Ngõ 84 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội trong giá trị tài sản của Công ty mà thực hiện thuê đất của Nhà nước và trả tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất đối với khu đất nêu trên. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án thuê đất.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề trên.

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH HANG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO



Phạm Ngọc Quân
Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CNĐKHNKT 4493-2019-149-1
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Trần Văn Minh
Kiểm toán viên
Số giấy CNĐKHNKT 4025-2022-149-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

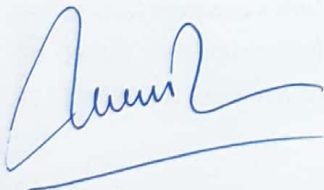
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		58.935.539.281	58.907.291.933
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.416.366.624	5.407.643.615
111	1. Tiền		20.416.366.624	5.407.643.615
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		24.177.966.996	38.688.230.987
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	28.472.777.798	42.680.631.401
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		154.662.356	418.320.660
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		592.722.334	373.668.937
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(5.042.195.492)	(4.784.390.011)
140	IV. Hàng tồn kho		14.328.234.002	14.798.445.672
141	1. Hàng tồn kho	6	14.673.752.141	14.798.445.672
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(345.518.139)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.971.659	12.971.659
153	1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	11	12.971.659	12.971.659
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		170.777.220.985	193.430.865.326
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		167.039.566.283	189.951.157.017
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	166.886.926.112	189.787.926.553
222	Nguyên giá		426.226.266.296	423.425.329.297
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(259.339.340.184)	(233.637.402.744)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	152.640.171	163.230.464
228	Nguyên giá		2.072.300.970	1.992.300.970
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.919.660.799)	(1.829.070.506)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	115.500.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	115.500.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.737.654.702	3.364.208.309
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	3.737.654.702	3.364.208.309
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		229.712.760.266	252.338.157.259

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		48.080.448.924	43.583.515.112
310	I. Nợ ngắn hạn		48.080.448.924	43.583.515.112
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	37.119.968.562	30.434.284.659
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		897.106.438	814.815.748
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	92.309.383	76.737.465
314	4. Phải trả người lao động		8.028.293.570	6.249.117.629
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	1.942.770.971	6.008.559.611
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		181.632.311.342	208.754.642.147
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	181.631.861.342	208.231.077.062
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		391.459.707.823	391.459.707.823
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		391.459.707.823	391.459.707.823
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		12.748.944.596	12.748.944.596
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(222.576.791.077)	(195.977.575.357)
421a	- LNST lũy kế đến cuối năm trước		(195.977.575.357)	(152.787.783.981)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		(26.599.215.720)	(43.189.791.376)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		450.000	523.565.085
431	1. Nguồn kinh phí	14	450.000	523.565.085
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		229.712.760.266	252.338.157.259



Hoàng Thị Ánh Nguyệt
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 03 năm 2023



Đào Thị Thanh Huyền
 Kế toán trưởng

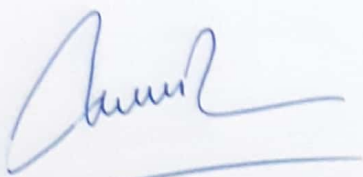


Bùi Sỹ Tuấn Anh
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	15	159.509.456.388	119.458.193.254
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		159.509.456.388	119.458.193.254
11	4. Giá vốn hàng bán	16	165.870.188.592	140.140.000.693
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ		(6.360.732.204)	(20.681.807.439)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		11.320.450	12.241.392
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	17	675.265.450	216.762.200
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	21.718.437.081	21.755.454.410
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(28.743.114.285)	(42.641.782.657)
31	11. Thu nhập khác	19	3.877.712.784	1.376.702.236
32	12. Chi phí khác	20	1.733.814.219	1.924.710.955
40	13. Lợi nhuận khác		2.143.898.565	(548.008.719)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(26.599.215.720)	(43.189.791.376)
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
52	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(26.599.215.720)	(43.189.791.376)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13	(679)	(1.103)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	13	(679)	(1.103)



Hoàng Thị Ánh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 03 năm 2023



Đào Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng

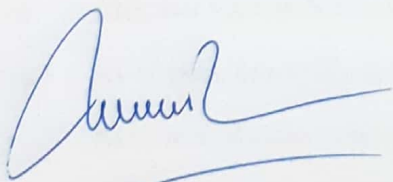


Bùi Sỹ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(26.599.215.720)	(43.189.791.376)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		26.038.916.694	27.150.196.004
03	- Các khoản dự phòng		603.323.620	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.320.450)	(47.627.755)
	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		31.704.144	(16.087.223.127)
08	08			
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		14.252.458.510	47.884.685.511
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		124.693.531	5.695.915.275
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		2.111.933.812	(36.568.942.939)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(373.446.393)	(48.306.132)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.725.464.150	4.807.573.812
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.248.579.235)	(4.284.008.727)
20	20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		15.624.228.519	1.399.693.673
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác		(626.825.960)	(1.030.507.518)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TSDH khác		-	35.386.363
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.320.450	12.241.392
30	30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(615.505.510)	(982.879.763)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
50	50 LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		15.008.723.009	416.813.910
60	60 Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	5.407.643.615	4.990.829.705
70	70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	20.416.366.624	5.407.643.615



Hoàng Thị Ánh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 03 năm 2023



Đào Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Bùi Sỹ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0107276138 do Sở Kế hoạch và Đầu thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 9 năm 2021.

Trụ sở của Công ty tại: Ngõ 84, phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 391.459.707.823 đồng, tương đương 39.145.970 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ khám chữa bệnh.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khám chữa bệnh, các kỹ thuật chuyên môn theo Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 259/BHYT-GPHĐ do Bộ Y tế cấp ngày 20 tháng 3 năm 2014.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 368 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 382 người).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có công ty con, công ty liên doanh, liên kết, chi nhánh hay đơn vị phụ thuộc nào.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Công ty có lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 và lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2022 lần lượt là 26.599.215.720 đồng và 222.576.791.077 đồng (năm 2021 lỗ 43.189.791.376 đồng và tại ngày 31/12/2021 lỗ 195.977.575.357 đồng). Đại dịch Covid - 19 xuất hiện đầu năm 2020 đến nay không còn ảnh hưởng tiêu cực tới các hoạt động của xã hội. Khả năng thanh toán của Công ty phụ thuộc nhiều vào việc nhận được tiền từ Cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Để cải thiện khả năng thanh toán, Ban lãnh đạo Công ty đã đánh giá, thực hiện đầy nhanh việc quyết toán và thu tiền từ Cơ quan Bảo hiểm xã hội. Ban lãnh đạo Công ty đánh giá và tin tưởng khả năng hoạt động liên tục của công ty trong vòng 12 tháng tiếp theo.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

2.6 Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban

đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định trong chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

2.8 Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Phần mềm	5 - 10
Khác	5 - 10

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được đánh giá lại khi cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông Vận tải Trung ương. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, khấu hao điều chỉnh được bắt đầu khi Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

2.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm lợi thế kinh doanh được xác định tại thời điểm cổ phần hóa doanh nghiệp và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Lợi thế kinh doanh được xác định tại thời điểm cổ phần hóa doanh nghiệp được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

2.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.12 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp các dịch vụ y tế

Doanh thu cung cấp các dịch vụ y tế được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Công việc được xác định đã hoàn thành; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán dược phẩm

Doanh thu bán dược phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà Công ty đã thu và các khoản phạt vi phạm hợp đồng chắc chắn thu được (ngoại trừ khoản phạt về bản chất là giảm giá hàng mua, giảm thanh toán).

2.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

2.15 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban Tổng Giám đốc) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu của Công ty bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu do Công ty không có dự định phát hành thêm Cổ phiếu.

2.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	143.195.387	396.764.182
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.273.171.237	5.010.879.433
Cộng	20.416.366.624	5.407.643.615

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Ngõ 84, phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội	26.901.760.373	4.784.390.011	37.463.553.454	4.784.390.011
+ Phải thu về tiền khám bệnh, chữa bệnh BHYT phát sinh trong năm	20.230.172.523	-	9.997.814.062	-
+ Phải thu về tiền khám bệnh, chữa bệnh BHYT phát sinh trong năm 2020	-	-	1.909.138.543	-
+ Phải thu về tiền khám bệnh, chữa bệnh BHYT phát sinh trong năm 2019	1.887.197.839	-	20.772.210.838	-
+ Phải thu về tiền khám bệnh, chữa bệnh BHYT phát sinh trước năm 2019	4.784.390.011	4.784.390.011	4.784.390.011	4.784.390.011
Khách hàng dịch vụ khám sức khỏe định kỳ	931.272.000	-	4.017.836.500	-
Đối tượng khác	639.745.425	257.805.481	1.199.241.447	-
Cộng	28.472.777.798	5.042.195.492	42.680.631.401	4.784.390.011

5. NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị	Giá gốc	Giá trị
	VND	có thể thu hồi	VND	có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu bảo hiểm xã hội Thành phố Hà Nội về tiền khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế phát sinh trong năm 2016	4.784.390.011	-	4.784.390.011	-
Công ty Cổ phần Y dược Hưng Thành	37.134.000	-	37.134.000	37.134.000
Trường Trung cấp Y tế Hà Nội	220.671.481	-	220.671.481	220.671.481
Cộng	5.042.195.492	-	5.042.195.492	257.805.481

Phải thu bảo hiểm xã hội Thành phố Hà Nội về tiền khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế phát sinh trong năm 2016

Công ty Cổ phần Y dược Hưng Thành

Trường Trung cấp Y tế Hà Nội

Cộng

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dược phẩm dùng cho hoạt động khám chữa bệnh	7.279.651.059	113.418.139	8.970.847.109	-
Vật tư y tế, hóa chất dùng cho hoạt động khám chữa bệnh	6.509.082.705	232.100.000	4.439.528.454	-
Dược phẩm dùng cho hoạt động kinh doanh tại quầy thuốc	549.712.818	-	1.042.052.534	-
Dụng cụ và vật tư tiêu hao	158.739.124	-	163.464.400	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	176.566.435	-	182.553.175	-
Cộng	14.673.752.141	345.518.139	14.798.445.672	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí thuốc, vật tư y tế đã sử dụng cho các bệnh nhân còn điều trị tại thời điểm cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Ngõ 84, phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2022	189.908.595.971	171.620.535.924	2.549.799.335	44.196.151.151	15.150.246.916	423.425.329.297
Mua sắm	-	398.701.000	-	263.624.960	-	662.325.960
Nhận tài trợ	-	2.385.000.000	-	-	-	2.385.000.000
Giảm khác (i)	(246.388.961)	-	-	-	-	(246.388.961)
31/12/2022	189.662.207.010	174.404.236.924	2.549.799.335	44.459.776.111	15.150.246.916	426.226.266.296
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2022	54.954.416.575	136.801.791.908	2.370.339.658	29.494.378.285	10.016.476.318	233.637.402.744
Khấu hao	4.779.988.082	15.223.818.577	89.250.000	4.367.729.402	1.487.540.340	25.948.326.401
Giảm khác (i)	(246.388.961)	-	-	-	-	(246.388.961)
31/12/2022	59.488.015.696	152.025.610.485	2.459.589.658	33.862.107.687	11.504.016.658	259.339.340.184
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2022	134.954.179.396	34.818.744.016	179.459.677	14.701.772.866	5.133.770.598	189.787.926.553
31/12/2022	130.174.191.314	22.378.626.439	90.209.677	10.597.668.424	3.646.230.258	166.886.926.112

Tại ngày 31/12/2022, Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 50.854.052.216 VND (tại ngày 31/12/2021 là 40.761.880.242 VND).

(i) Bệnh viện ghi giảm giá trị và khấu hao lũy kế của Nhà để xe cũ (đã hết khấu hao và đã phá dỡ) để xây dựng công bệnh viện mới.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2022	1.992.300.970	1.992.300.970
Mua sắm	80.000.000	80.000.000
31/12/2022	2.072.300.970	2.072.300.970
HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2022	1.829.070.506	1.829.070.506
Khấu hao	90.590.293	90.590.293
31/12/2022	1.919.660.799	1.919.660.799
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2022	163.230.464	163.230.464
31/12/2022	152.640.171	152.640.171

Tại ngày 31/12/2022, Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.448.409.970 VND (tại ngày 31/12/2021 là 1.269.989.970 VND).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	3.031.247.735	2.422.332.362
Lợi thế kinh doanh (*)	706.406.967	941.875.947
Cộng	3.737.654.702	3.364.208.309

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh theo định giá xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quyết định tại Biên bản Kiểm tra quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa, chi phí lao động dôi dư, xác định giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sở hữu của Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải do Bộ Giao thông Vận tải và Cục Y tế Giao thông Vận tải ban hành ngày 15 tháng 02 năm 2017 và được phân bổ đều trong vòng 96 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Ngõ 84, phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH MTV Dược liệu Trung ương 2	3.057.368.487	3.057.368.487	5.038.486.436	5.038.486.436
CN Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương tại HN	1.040.808.657	1.040.808.657	1.004.497.999	1.004.497.999
Công ty CP Dược phẩm TBYT Hà Nội	1.633.485.550	1.633.485.550	1.469.145.021	1.469.145.021
Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông	1.843.866.540	1.843.866.540	483.715.960	483.715.960
Công ty Cổ phần DP Trung ương CPC1	1.514.218.888	1.514.218.888	913.572.358	913.572.358
Công ty TNHH Gendis	1.433.147.999	1.433.147.999	143.519.999	143.519.999
Công ty TNHH Trang Thiết bị y tế HQ Hà Nội	1.368.800.000	1.368.800.000	400.571.428	400.571.428
Công ty TNHH Thương mại và Phân phối Hoàng Gia	1.270.252.919	1.270.252.919	1.255.852.733	1.255.852.733
Công ty TNHH Hà Nội IEC	1.084.420.000	1.084.420.000	720.540.000	720.540.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thống Nhất	32.700.000	32.700.000	1.097.000.000	1.097.000.000
Các đối tượng khác	22.840.899.522	22.840.899.522	17.907.382.725	17.907.382.725
Cộng	37.119.968.562	37.119.968.562	30.434.284.659	30.434.284.659

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022		31/12/2022	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	19.916.153	-	30.709.942
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.971.659	-	12.971.659	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	56.821.312	-	61.599.441
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	12.971.659	76.737.465	12.971.659	92.309.383

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Ngõ 84, phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**12. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC**Các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCD
Các khoản phải trả khác**Cộng**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
	1.122.800.460	5.174.487.424
	819.970.511	834.072.187
Cộng	1.942.770.971	6.008.559.611

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	(Lỗ) Lũy kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2021	391.459.707.823	12.748.944.596	(152.787.783.981)	251.420.868.438
(Lỗ) trong năm	-	-	(43.189.791.376)	(43.189.791.376)
Tại 31/12/2021	391.459.707.823	12.748.944.596	(195.977.575.357)	208.231.077.062
Tại 01/01/2022	391.459.707.823	12.748.944.596	(195.977.575.357)	208.231.077.062
(Lỗ) trong năm	-	-	(26.599.215.720)	(26.599.215.720)
Tại 31/12/2022	391.459.707.823	12.748.944.596	(222.576.791.077)	181.631.861.342

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số vốn đã góp			
	31/12/2022	01/01/2022		
	VND	VND		
	%	%		
Đại diện phần vốn nhà nước	278.443.707.823	278.443.707.823	71,13	71,13
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC)	278.443.707.823	278.443.707.823	71,13	71,13
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	86.400.000.000	86.400.000.000	22,07	22,07
Cổ đông khác	26.616.000.000	26.616.000.000	6,80	6,80
Cộng	391.459.707.823	391.459.707.823	100	100

Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	(Cổ phiếu)	(Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.145.970	39.145.970
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.145.970	39.145.970
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.145.970	39.145.970
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.145.970	39.145.970
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.145.970	39.145.970
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(26.599.215.720)	(43.189.791.376)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	39.145.970	39.145.970
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	(679)	(1.103)

Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

14. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	523.565.085	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	1.725.464.150	4.807.573.812
Chi sự nghiệp	2.248.579.235	4.284.008.727
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	450.000	523.565.085

Công ty tiếp nhận và triển khai tiêm chủng vắc xin Covid-19 theo các Quyết định và công văn phân bổ vắc xin phòng Covid-19 theo từng đợt của các cơ quan có thẩm quyền. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty còn tồn 05 lọ vắc xin chưa sử dụng.

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu Dịch vụ y tế	153.694.960.228	112.528.186.257
Doanh thu của dược phẩm đã bán	5.814.496.160	6.930.006.997
Cộng	159.509.456.388	119.458.193.254

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ y tế	160.034.755.232	133.626.647.926
Giá vốn của dược phẩm đã bán	5.489.915.221	6.513.352.767
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	345.518.139	-
Cộng	165.870.188.592	140.140.000.693

17. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí bán hàng

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	675.265.450	216.762.200
Cộng	675.265.450	216.762.200

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	10.754.649.636	10.593.756.516
Chi phí văn phòng	834.646.016	923.583.346
Chi phí công cụ, dụng cụ	954.834.949	948.774.737
Chi phí khấu hao	2.178.169.951	3.028.721.064
Dự phòng phải thu khó đòi	257.805.481	-
Các khoản thuế, phí	3.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.054.976.888	4.999.880.526
Chi phí bằng tiền khác	1.680.354.160	1.260.738.221
Cộng	21.718.437.081	21.755.454.410

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021 (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nhân công	60.556.002.812	55.313.942.099
Chi phí được phẩm và vật tư y tế	83.874.069.220	65.122.751.866
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.329.775.736	27.150.196.004
Thuế và các khoản lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.621.173.312	11.027.168.971
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	345.518.139	-
Dự phòng phải thu khó đòi	257.805.481	-
Chi phí bằng tiền khác	3.276.546.423	3.498.158.363
Cộng	188.263.891.123	162.112.217.303

19. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	35.386.363
Tiền thưởng, tiền bồi thường	8.274.000	193.027.089
Nhận tài trợ & dịch vụ khác tại Bệnh viện	3.869.438.784	1.148.288.784
Cộng	3.877.712.784	1.376.702.236

20. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt do chậm nộp BHXH	-	450.663.441
Các khoản khác	1.733.814.219	1.474.047.514
Cộng	1.733.814.219	1.924.710.955

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế cho dịch vụ chăm sóc sức khỏe, và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động khác. Công ty không phát sinh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm do Công ty phát sinh lỗ tính thuế.

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khám chữa bệnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 15 và 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê đất

Theo Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Phương án thí điểm cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông Vận tải Trung ương (được cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải), Công ty thực hiện thuê đất của Nhà nước và trả tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất đối với khu đất tại Ngõ 84 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án thuê đất. Cam kết thuê hoạt động của Công ty chưa bao gồm tiền thuê đất đối với khu đất nêu trên.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan phát sinh giao dịch trong năm gồm:

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng.

Trong năm, Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty như sau:

	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Ban Giám đốc		622.409.935	194.479.418
Ông Phạm Đức Huy	Tổng Giám đốc	60.619.691	194.479.418
Ông Bùi Sỹ Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	266.390.400	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	295.399.844	-
Thù lao HĐQT		168.000.000	236.000.000
Ông Nghiêm Xuân Đa	Chủ tịch	30.000.000	-
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên HĐQT	48.000.000	43.000.000
Ông Đinh Tiến Long	Thành viên HĐQT	18.000.000	25.800.000
Ông Phạm Đức Huy	Thành viên HĐQT	18.000.000	83.600.000
Ông Bùi Sỹ Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	18.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	36.000.000	25.800.000
Ông Trần Trung	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm)	-	57.800.000
Thù lao Ban kiểm soát		48.000.000	136.400.000
Ông Nguyễn Minh Đức	Trưởng BKS	36.000.000	25.800.000
Ông Nguyễn Tùng Giang	Thành viên BKS	12.000.000	8.600.000
Ông Nguyễn Hải Thịnh	Trưởng BKS (miễn nhiệm)	-	68.000.000
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên BKS (miễn nhiệm)	-	34.000.000
Đào Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng	193.818.958	132.524.803
Cộng		1.032.228.893	699.404.221

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần điều chỉnh vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO.




Hoàng Thị Ánh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 03 năm 2023



Đào Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Bùi Sỹ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám đốc

